

TỪ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN THANH HÒN GAI ĐẾN SỰ RA ĐỜI CHÍNH ĐẢNG VÔ SẢN TRÊN KHU MỎ ĐẦU NĂM 1930

GS ĐINH XUÂN LÂM*

Khu mỏ than Hòn Gai (Quảng Ninh) mới bắt đầu được điều tra và thăm dò từ những năm đầu thế kỷ XIX, nhưng đã có sức hấp dẫn lớn đối với tư bản phương Tây đang trên đường bành trướng thế lực mở rộng chiếm đóng đất đai, độc chiếm thị trường và nguyên liệu. Hầu hết các nước tư bản như Anh, Pháp, Đức... đều ra sức dòm ngó, muốn độc chiếm vùng đất “vàng đen”, đặc biệt là tư bản Pháp thông qua hoạt động ngầm của các giáo sĩ và nhà buôn cảng nôn nóng muốn sớm thu tóm món lợi lớn. Trong chuyến đưa quân từ Sài Gòn ra đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai (1882), chỉ huy Pháp là Henri Rivière sau khi chiếm thành Hà Nội (25-4-1882) đã không đưa quân đánh chiếm các tỉnh vùng đồng bằng như Francis Garnier từng làm mười năm về trước (1873) mà lập tức đưa quân ra chiếm đóng Hòn Gai (tháng 3-1883) vì Rivière biết rõ triều đình nhà Thanh (đăng sau là tư bản Anh) đang xúc tiến việc thương thuyết với triều đình Huế để được thuê

dài hạn vùng mỏ Hòn Gai. Ngay sau khi chiếm đóng Hòn Gai, Rivière cho tàu chiến đến chiếm luôn Quảng Yên, và như vậy đã “phồng tay trên” tư bản Anh đang ôm ấp tham vọng lớn đối với toàn vùng. Rồi sau đó lại cho quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, cuối cùng là thành Nam Định (27-3-1883), đi lại con đường 10 năm trước Garnier đã đi.

Ngay sau khi chiếm đóng Hòn Gai, không chế cả mặt biển Bắc Kỳ và bảo đảm chủ quyền của thực dân Pháp trên vùng mỏ, nhanh chóng biến khu mỏ thành “Vương quốc” độc chiếm của bọn tư bản độc quyền Pháp, ngay trong khi phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta đang phát triển rầm rộ trong cả nước. Hàng loạt công ty tư bản Pháp khai thác mỏ nhanh chóng được thành lập trên cơ sở các nhượng địa mà toàn quyền Đông Dương cắt nhượng cho chúng. Công ty than của Pháp ở Bắc Kỳ (Société française des Charbonnages du Tonkin – SFCT) bao gồm những nhà tư bản kénh xù của nước Pháp là công ty mỏ lớn nhất Đông Dương, thành lập sớm nhất, chiếm những nhượng địa béo bở nhất ở khu vực này. Sản

* Đại học Quốc gia Hà Nội

lượng than hằng năm của công ty này chiếm từ 70 đến 85% sản lượng than toàn xứ Đông Dương.

Sự ra đời và hoạt động ngày càng mở rộng của khu mỏ than Hòn Gai đòi hỏi một đội ngũ công nhân ngày càng đông đảo. Số lượng công nhân than Hòn Gai thường xuyên chiếm từ 65 đến 70% số lượng công nhân mỏ Việt Nam, ngoài ra cũng có một số công nhân người Hoa. Rõ ràng là quá trình hình thành tầng lớp công nhân mỏ Hòn Gai trong gần 20 năm cuối thế kỷ XIX gắn liền với quá trình xâm lược, thăm dò và bước đầu khai thác than ở vùng này. Cũng rõ ràng là trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp, cũng như công nhân nước ta nói chung, công nhân than Quảng Ninh đại bộ phận xuất thân từ nông dân. Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, họ là dân cày, một số ít là thợ thủ công bị bán cùng hóa và phá sản do sự chèn ép và bóc lột ráo riết của tư bản Pháp. Công nhân vùng mỏ than Hòn Gai cũng như tầng lớp công nhân Việt Nam nói chung, ngay từ khi mới ra đời đã bị đày đọa cực nhọc “như những con súc vật phải điều khiển bằng roi vọt”¹.

Đề cập đến tình hình khai thác than của mỏ Kế Bào (Cái Bàu) năm 1894, một tài liệu đã thú nhận những thủ đoạn bóc lột và cách đối xử tàn tệ của bọn chủ mỏ đối với người thợ mỏ, như trả lương không đều, đuổi công nhân không có lý do đã làm cho một số người bỏ việc, và bọn chủ mỏ với sự đồng lõa của nhà cầm quyền Pháp đã bắt tù nhân ra thay thế; nhưng rồi chính các tù nhân này cũng không chịu được cảnh bóc lột, hà hiếp tàn bạo của bọn chủ nên họ cũng bỏ trốn. Để đối phó lại, bọn chủ mỏ đã tiến hành việc đuổi bắt công khai trên toàn đảo, thậm chí bắn

giết dã man những tù nhân bỏ trốn. Tình hình đó cho thấy tầng lớp công nhân mỏ than Quảng Ninh vừa mới ra đời đã bị áp bức và bóc lột tàn nhẫn, đối với nam cũng như nữ, người Việt cũng như người Hoa, mức độ ngày càng gay gắt, càng khốc liệt. Với thực tế cuộc sống bị áp bức, bóc lột của người dân mất nước bị chà đạp, người thợ mỏ Quảng Ninh ngay từ khi mới ra đời đã xác định được đối tượng đấu tranh, nhận rõ được bản chất kẻ thù của mình một cách cụ thể, tên tư bản của hầm mỏ cũng chính là tên chủ thực dân, kẻ áp bức đày đọa người thợ mỏ đồng thời cũng là kẻ thù cướp nước, đày xéo lên toàn dân tộc. Từ thực tế của hoàn cảnh giai cấp và dân tộc như vậy, người công nhân than Quảng Ninh – cũng như công nhân Việt Nam nói chung – đã có điều kiện sớm nhận thức chân lý “lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc là hoàn toàn nhất trí”.

Đặc điểm chủ yếu của chính sách khai thác của tư bản Pháp ở khu mỏ Quảng Ninh là độc quyền và ra sức vơ vét tài nguyên bằng cách bóc lột tàn tệ người công nhân mỏ nhằm thu được lợi nhuận ngày càng lớn. Đặc điểm đó bao trùm suốt cả thời kỳ thống trị của chúng trên khu vực này, và đó chính là gốc rễ tạo nên mâu thuẫn đối kháng trong xã hội khu mỏ, là nguyên nhân cơ bản của mọi cuộc đấu tranh của người thợ mỏ.

Tư bản Pháp đẩy mạnh khai thác trên quy mô lớn từ đầu thế kỷ XX đã làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam có những biến chuyển quan trọng. Phương thức bóc lột mới theo lối tư bản chủ nghĩa đã được du nhập vào Việt Nam, bắt đầu xâm nhập các khu kinh tế nông, công, thương nghiệp. Đồng thời, phương thức bóc cũ

theo lối phong kiến cổ truyền cũng được thực dân Pháp cố tình duy trì để mưu lợi. Sự kết hợp giữa hai phương thức bóc lột đó đã dẫn tới sự hình thành phương thức bóc lột thuộc địa bảo đảm siêu lợi nhuận tối cao cho thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Trong bối cảnh đó, xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cũng bắt đầu thay đổi khá nhanh. Nhân dân lao động bị bần cùng hóa, xã hội phân hóa ngày càng sâu sắc, nông thôn và thành thị đều có những biến chuyển rõ rệt. Những biến đổi về cơ cấu xã hội tất yếu có ảnh hưởng đến hình thức cũng như tính chất cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang diễn ra.

Trong bối cảnh lịch sử đó, phong trào công nhân Việt Nam nói chung, của tầng lớp công nhân mỏ than Quảng Ninh nói riêng, cũng trên đà phát triển. Ở khu mỏ Quảng Ninh, sau một thời gian dài thăm dò và bước đầu khai thác (1883-1897), đến thời kỳ này tư bản Pháp đã có cơ sở và điều kiện để tiến hành khai thác mạnh hơn, trên quy mô lớn hơn. Biểu hiện đầu tiên của việc mở rộng khai thác là công ty than và mỏ cũ đều tăng thêm vốn đầu tư. Công ty than của Pháp ở Bắc Kỳ - số vốn năm 1896 là 3 triệu phorăng với 12.000 cổ phần thì chỉ một năm sau (1897), khi bước vào thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ nhất, số vốn đã tăng lên 4 triệu phorăng và số cổ phần cũng tăng lên 16.000, tăng hơn 4.000². Cũng trong thời kỳ này, công nhân mỏ đã đứng lên đấu tranh với nhiều hình thức, như bỏ trốn tập thể, công khai bỏ việc, đấu tranh bạo lực phối hợp với các phong trào yêu nước, đưa đơn tố cáo, cử đại biểu đi khiếu tố, mít tinh trước văn phòng chủ mỏ, đặc biệt là phát động đình công và bãi công là những hình thức đấu

tranh mới chưa từng có trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu một lực lượng xã hội mới đã ra đời, tuy còn đang ở trình độ "tự phát" chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập, chưa nhận thức được mình có triển vọng và sứ mạng lịch sử riêng. Sau đây là một số cuộc đấu tranh tiêu biểu:

- Năm 1906, công nhân mới tuyển vào làm việc ở mỏ Hà Tu đấu tranh không đi làm, đòi chủ phải trả tiền đi đường, công nhân cũ đã giúp tiền và gạo cho thợ mới đấu tranh đến thắng lợi.

- Năm 1914, công nhân tầng Đèo Nai (mỏ Cẩm Phả) phản đối chủ phát thiếu tiền công, thiếu gạo, bán thực phẩm giá đắt, họ đã đồng tình trốn 58 xe than lẫn đất đá để biểu lộ sự phản kháng.

- Năm 1916, công nhân đèo xe hỏa Hà Tu đã tập trung lại đánh bọn lính khố xanh, vì bọn này thường ý thể làm càn (cướp giật hàng hóa, chọc gheo phụ nữ, hãm hiếp vợ con thợ). Cùng năm đó, chị em phụ nữ nhà máy sàng Kế Bào (Cái Bàu) đình công, đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm.

- Năm 1918, công nhân mỏ than Hà Tu tập trung trước văn phòng đòi chủ thả một công nhân bị bắt vô lý. Cùng năm đó, 700 công nhân lán Phục, lán Nghè (Hà Tu) cùng với thợ lái tàu hỏa kéo đến đốt nhà tên bang tá Sâm thường hống hách, đánh đập công nhân.

- Năm 1919, một tốp nữ công nhân nhà máy Sàng Hòn Gai nghỉ việc một ngày để phản đối đốc công người Pháp và tên cai coi phân xưởng thường chọc gheo và làm nhục họ. Cũng năm này, 500 công nhân mỏ Cẩm Phả đã lán công, phản đối chủ phát thiếu gạo.

- Năm 1922, một số công nhân lò mỏ Mạo Khê vây đánh tên giám thị Tuấn thường ngày ăn quyt tiền công.

Nhận định đánh giá các cuộc đấu tranh của thợ mỏ Quảng Ninh, tuy không lớn về quy mô, diễn ra trong một phạm vi hẹp, trong một thời gian ngắn với những yêu sách thiết thực, nhưng đã là hình thức đấu tranh mới khá phổ biến, chứng tỏ người thợ mỏ Quảng Ninh đã công khai trực diện đứng lên chống lại bọn chủ.

Từ các cuộc đấu tranh trên nổi bật lên hai đặc điểm cơ bản trong phong trào công nhân khu mỏ Quảng Ninh thời kỳ này. Đó là tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong đấu tranh giữa những người thợ mỏ, xuất hiện rất sớm, ngay trong cuộc đấu tranh đầu tiên tinh thần đó đã bộc lộ rõ rệt. Đó là các hình thức đấu tranh của người công nhân hiện đại như lãn công, bãi công đã sớm xuất hiện trong phong trào công nhân mỏ Quảng Ninh, thông qua đó người thợ mỏ Quảng Ninh bắt đầu nhận rõ hơn lực lượng bản thân mình, giai cấp mình, ngay cả lực lượng của bọn chủ, trên cơ sở đó hướng họ tới một cuộc đấu tranh chung lớn hơn, mạnh mẽ hơn, để trên đà đó phong trào công nhân khu mỏ nhanh chóng chuyển biến về chất. Biểu hiện của sự chuyển biến ấy là các cuộc đấu tranh của người thợ mỏ Quảng Ninh dưới hình thức bãi công dần trở thành phổ biến. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của thợ mỏ Quảng Ninh thời kỳ 1925-1926 là cuộc bãi công của thợ mỏ Mạo Khê năm 1925, trong cuộc đấu tranh này thợ mỏ đã có yêu sách cụ thể như đòi tăng lương thợ đàn ông từ 0đ20 lên 0đ30; thợ đàn bà từ 0đ15 lên 0đ25 tiền Đông Dương thời đó.

Phong trào công nhân khu mỏ than Hòn Gai hòa nhịp với phong trào công nhân cả nước đang trên đà phát triển nhanh lên trình độ “tự

giác”, được đánh dấu bằng cuộc bãi công của công nhân đóng tàu Ba Son (Sài Gòn) vào tháng 8-1925. Cuộc bãi công Ba Son chấm dứt thắng lợi đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, đánh dấu giai cấp công nhân nước ta đã bước đầu đi vào đấu tranh “tự giác” để trên đà đó vào khoảng 1928-1929 thì phong trào đã phát triển tới mức “tự giác”, và đến ngày 3-2-1930, với sự thành lập chính đảng vô sản thì hoàn thành quá trình chuyển biến từ “tự phát” lên “tự giác”³. Từ sau đó, phong trào công nhân Việt Nam – trong đó có phong trào công nhân than Hòn Gai, dần trở thành cái gốc của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ, và phong trào công nhân đã bắt đầu lôi kéo được một số cuộc đấu tranh của nhiều tầng lớp nhân dân khác. Sự tăng nhanh ngày càng đông đảo và tập trung số lượng công nhân mỏ Quảng Ninh, cùng với sự phát triển ngày càng sâu rộng phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Quảng Ninh đã tạo nên những điều kiện cơ bản, tạo nên “miếng đất tốt” để gieo hạt giống chủ nghĩa Mác - Lênin vào địa phương này.

Trong bối cảnh đó, sau khi các đảng viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầy mạnh truyền bá tư tưởng Mác – Lênin vào khu mỏ Quảng Ninh từ năm 1926, cho tới cuối năm 1929 đầu năm 1930, các chi bộ đầu tiên ở khu mỏ Hòn Gai mới có điều kiện ra đời. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12-1929, bốn chi bộ cộng sản đầu tiên ở khu mỏ Quảng Ninh ra đời. Trước tiên là chi bộ Cẩm Phả - Cửa Ông, rồi đến ba chi bộ khu vực Hòn Gai: chi bộ Ưông Bí – Vàng Danh, chi bộ Mạo Khê.

(Xem tiếp trang 69)

hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Xây dựng Quân đội nhân dân lấy xây dựng về chính trị, chăm lo xây dựng và phát huy nhân tố con người làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì, lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan các cấp có phẩm chất và năng lực toàn diện, tính chủ động sáng tạo trong tổ chức, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao.

65 năm xây dựng, chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam là quá trình đầy hy sinh gian khổ, nhưng cũng là quá trình Quân đội trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt và giành những chiến thắng vẻ vang. Sự trưởng thành, lớn mạnh của Quân đội là tất yếu, bởi Quân đội ta được xây dựng, phát triển trên cơ sở những nhân tố khách quan, chủ quan mà ít có quân đội nào có được. Quan trọng hàng đầu là Quân đội được đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Ngày nay, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Quân đội ta tiếp tục phát huy truyền thống “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”³ như Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.2, tr.2

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.12, tr. 24

3. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1996, T.11, tr. 350.

TỪ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN...

(Tiếp theo trang 65)

Sự ra đời của các chi bộ cộng sản đầu tiên, rồi sau đó là sự ra đời của các đảng ủy mỏ và sự thành lập Đặc ủy khu mỏ Quảng Ninh, nơi mà bọn thực dân chủ mỏ cho là “vương quốc” độc trị của chúng, là một bằng chứng hùng hồn của sự trưởng thành và giác ngộ của công nhân than Hòn Gai dưới ánh sáng tư tưởng Mác – Lênin, vũ khí tinh thần vô địch của giai cấp vô sản. Phong trào công nhân khu mỏ Hòn Gai từ đây đã có một tổ chức cách mạng lãnh đạo, tổ chức cách mạng đó là Đảng Cộng sản Đông Dương, sản phẩm tất yếu của sự kết hợp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào dân tộc. Từ khi chính đảng vô sản ra đời đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam. Dưới lá cờ của Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam - trong đó có phong trào công nhân khu mỏ than Hòn Gai, đã bước vào một giai đoạn phát triển mới, vượt qua muôn trùng gian khổ trở ngại để đi tới thắng lợi ngày nay.

1. Nguyễn Ái Quốc: *Đây “Công lý” của thực dân Pháp ở Đông Dương*, ST, H, 1967

2. *Annuaire économique de l'Indochine (1925-1926)* (Thống kê kinh tế hằng năm của xứ Đông Dương (1925-1926)

3. *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam*, ST, H, 1956.